

TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ THỦ ĐỨC
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự Do – Hạnh phúc

Bản án số: 909/2025/DS-ST
Ngày: 09 - 6 - 2025
Về việc: Tranh chấp hợp đồng vay
tài sản

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ THỦ ĐỨC THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Hà Thị Hoài

Các Hội thẩm nhân dân:

- Ông Phạm Văn Phước
- Bà Đinh Thị Tuyết Mai.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Mến – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Thủ Đức.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Thủ Đức tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Ngọc Bích – Kiểm sát viên.

Ngày 09 tháng 6 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Thủ Đức xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 690/2025/TLST-DS ngày 24 tháng 3 năm 2025, về việc: “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 4747/2025/QĐXXST- DS ngày 21 tháng 5 năm 2025, giữa các đương sự:

Nguyên đơn:

- Ông Phan Văn M, sinh năm: 1976
- Bà Mai Thị Linh T, sinh năm: 1977

Cùng địa chỉ: Số G đường B, khu phố C, phường B, thành phố T, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện hợp pháp: Ông Trần Gia H, sinh năm: 2001; địa chỉ: B Khu N C L, Phường A, Quận A, Thành phố Hồ Chí Minh làm người đại diện theo ủy quyền (Giấy ủy quyền số 216/UQ-HG ngày 16/02/2025), (ông H có mặt).

- Bị đơn:

- Bà Liêu Thị Hồng H1, sinh năm: 1985 (có mặt)
- Ông Hoàng Minh Đ, sinh năm: 1984 (có mặt)

Cùng địa chỉ: Số G đường B, phường B, thành phố T, Thành phố Hồ Chí Minh.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 21/02/2025, bản tự khai, biên bản hòa giải, trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, nguyên đơn ông Phan Văn M, bà Mai Thị Linh T ủy quyền cho ông Trần Gia H làm đại diện trình bày:

Vào năm 2023, 2024, ông Phan Văn M và bà Mai Thị Linh T có cho vợ chồng bà Liêu Thị Hồng H1, ông Hoàng Minh Đ vay tiền nhiều lần, cụ thể như sau: Ngày 22/8/2023: cho vay số tiền 300.000.000 đồng; Ngày 07/9/2023: cho vay số tiền 200.000.000 đồng; Ngày 26/9/2023: cho vay 100.000.000 đồng bằng hình thức chuyển khoản vào số tài khoản của ông Hoàng Minh Đ mở tại Ngân hàng A; Ngày 27/9/2023: cho vay 100.000.000 đồng bằng hình thức chuyển khoản vào số tài khoản của ông Hoàng Minh Đ mở tại Ngân hàng A; Ngày 22/11/2023: cho vay 300.000.000 đồng bằng hình thức chuyển khoản vào số tài khoản của ông Hoàng Minh Đ mở tại Ngân hàng A; Ngày 11/01/2024: cho vay 200.000.000 đồng bằng hình thức chuyển khoản vào số tài khoản của bà Liêu Thị Hồng H1 mở tại V.

Đến ngày 19/7/2024, hai bên thống nhất lại tổng số tiền đã cho vay là 1.200.000.000 (Một tỷ hai trăm triệu) đồng với thời hạn cho vay 6 tháng từ ngày 19/7/2024 đến hết ngày 19/01/2025, lãi suất 20%/năm. Bà Liêu Thị Hồng H1 đã viết giấy xác nhận những nội dung này.

Sau ngày 19/01/2025, ông M, bà T nhiều lần liên hệ yêu cầu bà H1, ông Đ trả số tiền gốc và lãi nêu trên nhưng vợ chồng bà H1 không thực hiện theo thỏa thuận.

Nay tại Tòa, ông M, bà T yêu cầu:

1. Buộc bà Liêu Thị Hồng H1 và ông Hoàng Minh Đ cùng có nghĩa vụ phải trả số tiền nợ gốc là 1.200.000.000 (Một tỷ hai trăm triệu) đồng.

2. Buộc bà Liêu Thị Hồng H1 và ông Hoàng Minh Đ cùng có nghĩa vụ phải trả tiền lãi trong hạn tính từ ngày 19/7/2024 đến hết ngày 19/01/2025 là: 120.000.000 (Một trăm hai mươi triệu) đồng.

3. Buộc bà Liêu Thị Hồng H1 và ông Hoàng Minh Đ cùng có nghĩa vụ phải trả tiền lãi trên nợ gốc quá hạn từ ngày 20/01/2025 tạm tính đến ngày 09/6/2025 là 138.082.190 (Một trăm ba mươi tám triệu, không trăm tám mươi hai nghìn, một trăm chín mươi) đồng.

Tổng số tiền nợ gốc và lãi tạm tính đến ngày 09/6/2025, ông Đ, bà H1 có nghĩa vụ thanh toán cho ông M, bà T là 1.458.082.190 (Một tỷ, bốn trăm năm mươi tám triệu, không trăm tám mươi hai nghìn, một trăm chín mươi) đồng.

Phía ông Phan Văn M và bà Mai Thị Linh T không yêu cầu Hội đồng xét xử xem xét lại phần tiền lãi từ trước ngày 19/7/2024 trở về trước đó.

Bị đơn bà Liêu Thị Hồng H1 trình bày: Bà xác nhận lời trình bày của ông H là người đại diện ủy quyền của ông M, bà T về thời điểm vay tiền, số tiền vay và viết giấy xác nhận vay tiền ngày 19/7/2024 là sự thật. Bà xác nhận chữ viết

và chữ ký trong giấy vay tiền ngày 19/7/2024 là của bà. Tuy nhiên, bà vay với lãi suất 5%/tháng, đã thực hiện trả lãi cho ông M và bà T từ tháng 9 năm 2023 đến ngày 13/5/2024. Vợ chồng bà đồng ý trả cho ông M và bà T số tiền nợ gốc là 1.200.000.000 đồng và tiền lãi theo giấy nhận nợ ngày 19/7/2024. Vợ chồng bà trả theo phương thức trả dần, bắt đầu từ tháng 6 năm 2026 và trả theo khả năng, mỗi tháng từ 1.000.000 đồng đến 5.000.000 đồng.

Vợ chồng bà không đề nghị Tòa án xem xét lại số tiền lãi mà vợ chồng bà đã trả cho ông Phan Văn M và bà Mai Thị Linh T từ tháng 9 năm 2023 đến ngày 13 tháng 5 năm 2024.

Bị đơn ông Hoàng Minh Đ trình bày: Ông thống nhất với ý kiến của bà H1. Ngoài ra, ông không có yêu cầu nào khác.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thủ Đức tham gia phiên tòa phát biểu quan điểm:

Về thủ tục tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử; việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng dân sự, kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án là đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về nội dung vụ án: Theo những tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án cho thấy ông Phan Văn M và bà Mai Thị Linh T yêu cầu bà Liêu Thị Hồng H1 và ông Hoàng Minh Đ thanh toán số tiền là 1.458.082.190 (Một tỷ, bốn trăm năm mươi tám triệu, không trăm tám mươi hai nghìn, một trăm chín mươi) đồng bao gồm: Tiền nợ gốc là 1.200.000.000 (Một tỷ hai trăm triệu) đồng; Tiền lãi trong hạn tính từ ngày 19/7/2024 đến hết ngày 19/01/2025 là: 120.000.000 (Một trăm hai mươi triệu) đồng; Tiền lãi quá hạn từ ngày 20/01/2025 tạm tính đến ngày 09/6/2025 là 138.082.190 (Một trăm ba mươi tám triệu, không trăm tám mươi hai nghìn, một trăm chín mươi) đồng. Bà Liêu Thị Hồng H1 và ông Hoàng Minh Đ phải thanh toán cho ông M và bà T một lần toàn bộ số tiền nêu trên ngay khi bản án của Tòa án có hiệu lực pháp luật là có căn cứ nên đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Đề nghị Hội đồng xét xử không xem xét đối với đề nghị của bị đơn bà H1 và ông Đ về việc không yêu cầu xem xét và tính lại lãi đã trả cho ông M và bà T từ tháng 9 năm 2023 đến ngày 13/5/2024.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ và đã được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết vụ án: Ông Phan Văn M và bà Mai Thị Linh T khởi kiện yêu cầu bà Liêu Thị Hồng H1 và ông Hoàng Minh Đ, về việc “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản” theo quy định tại khoản 3 Điều 26 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 nên vụ án thuộc thẩm quyền giải

quyết của Tòa án. Bị đơn bà Liêu Thị Hồng H1 và ông Hoàng Minh Đ cư trú tại thành phố T, Thành phố Hồ Chí Minh nên căn cứ điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh.

[2] Về nội dung vụ án:

Ông Phan Văn M và bà Mai Thị Linh T yêu cầu bà Liêu Thị Hồng H1 và ông Hoàng Minh Đ thanh toán số tiền là 1.458.082.190 (Một tỷ, bốn trăm năm mươi tám triệu, không trăm tám mươi hai nghìn, một trăm chín mươi) đồng bao gồm: Tiền nợ gốc là 1.200.000.000 (Một tỷ hai trăm triệu) đồng; Tiền lãi trong hạn tính từ ngày 19/7/2024 đến hết ngày 19/01/2025 là: 120.000.000 (Một trăm hai mươi triệu) đồng; Tiền lãi quá hạn từ ngày 20/01/2025 tạm tính đến ngày 09/6/2025 là 138.082.190 (Một trăm ba mươi tám triệu, không trăm tám mươi hai nghìn, một trăm chín mươi) đồng, Hội đồng xét xử xét thấy:

Về số tiền nợ gốc: Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, các bên đều thừa nhận bà H1 và ông Đ có nợ ông M và bà T số tiền 1.200.000.000 (Một tỷ hai trăm triệu) đồng bao gồm các khoản vay ngày 22/8/2023, vay số tiền 300.000.000 đồng; Ngày 07/9/2023, vay số tiền 200.000.000 đồng; Ngày 26/9/2023, vay số tiền 100.000.000 đồng; Ngày 27/9/2023, vay số tiền 100.000.000 đồng; Ngày 22/11/2023, vay số tiền 300.000.000 đồng; Ngày 11/01/2024: vay số tiền 200.000.000 đồng. Toàn bộ số tiền vay này được bà H1 xác nhận bằng văn bản lập ngày 19/7/2024 và phía ông Đ đồng ý với nội dung văn bản xác nhận ngày 19/7/2024. Căn cứ Điều 385 và Điều 463 Bộ luật Dân sự năm 2015 thì giấy xác nhận nợ ngày 19/7/2024 là căn cứ để phát sinh quyền và nghĩa vụ của các bên. Phía bà H1, ông Đ xác nhận chưa trả cho ông M và bà T số tiền nợ gốc này. Căn cứ khoản 1 Điều 466 Bộ luật Dân sự năm 2015 quy định về nghĩa vụ trả nợ của bên vay, Hội đồng xét xử có cơ sở chấp nhận yêu cầu của ông M và bà T buộc bà H1 và ông Đ phải trả cho ông M và bà T số tiền nợ gốc là 1.200.000.000 (Một tỷ, hai trăm triệu) đồng là có căn cứ, phù hợp với quy định của pháp luật. Đề nghị của Đại diện Viện kiểm sát là phù hợp với quy định của pháp luật.

Về số tiền nợ lãi:

Tại giấy nhận nợ ngày 19/7/2024 có ghi tiền lãi 20%/năm, ngày mượn tiền 19/7/2024 đến hạn trả 19/01/2025 nên đây là hợp đồng vay tài sản có thời hạn. Lãi suất thỏa thuận là 20%/năm. Như vậy áp dụng khoản 1 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015 và điểm a khoản 2 Điều 5 Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao thì tiền lãi trong hạn, tiền lãi quá hạn chưa trả theo quy định của pháp luật được tính như sau:

Lãi trong hạn từ ngày 19/7/2024 đến ngày 19/01/2025 là: 1.200.000.000 đồng x 20%/năm x 184 ngày = 120.986.301 đồng;

Lãi quá hạn từ ngày 20/01/2025 đến ngày 09/6/2025 là 1.200.000.000 đồng x 30%/năm x 140 ngày = 138.082.190 đồng;

Tuy nhiên, phía nguyên đơn yêu cầu bị đơn thanh toán tiền lãi trong hạn là 120.000.000 (Một trăm hai mươi triệu) đồng. Như vậy, có lợi cho bị đơn. Do đó, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về số tiền lãi trong hạn và lãi quá hạn. Đề nghị của Đại diện Viện kiểm sát là phù hợp với quy định của pháp luật.

Về phương thức trả nợ: Ông M và bà T yêu cầu bà H1, ông Đ thanh toán toàn bộ số tiền nợ vay ngay khi bản án có hiệu lực pháp luật. Bà H1 và ông Đ cho rằng gia đình đang gặp khó khăn nên đề nghị bắt đầu từ tháng 6 năm 2026 bà H1 và ông Đ trả nợ và trả theo khả năng, mỗi tháng trả số tiền từ 1.000.000 đồng đến 5.000.000 đồng, Hội đồng xét xử xét thấy: Bà H1, ông Đ xác nhận vay tiền của ông M, bà T nhiều lần và bắt đầu vay tiền từ tháng 8 năm 2023. Đến ngày 19/7/2024, bà H1 viết giấy xác nhận nợ và ghi thời hạn trả nợ vào ngày 19/01/2025, đến nay phía bà H1, ông Đ không thanh toán như thỏa thuận, phương thức trả nợ của bà H1, ông Đ đưa ra là chưa phù hợp, điều này làm ảnh hưởng đến quyền và lợi ích hợp pháp của ông M và bà T. Do đó, để bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của ông M và bà T, Hội đồng xét xử buộc bà H1 và ông Đ có trách nhiệm trả toàn bộ số tiền nợ trên ngay khi bản án có hiệu lực pháp luật. Đề nghị của Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thủ Đức là phù hợp với quy định của pháp luật.

Bà H1 và ông Đ cho rằng đã trả cho ông M và bà T tiền lãi từ tháng 9 năm 2023 đến ngày 13/5/2024, Hội đồng xét xử xét thấy: Trong quá trình giải quyết và tại phiên tòa, ông Đ và bà H1 đều xác nhận không yêu cầu Hội đồng xét xử xem xét lại số tiền lãi đã trả trong thời gian nói trên. Phía nguyên đơn ông M và bà T cũng đề nghị Hội đồng xét xử không xem xét lại tiền lãi từ trước ngày 19/7/2024 trở về trước đó. Xét đây là sự tự nguyện của các đương sự mặc dù đã được giải thích nhưng các bên vẫn giữ nguyên ý kiến nên Hội đồng xét xử không xem xét đối với phần này.

[3] Về án phí dân sự sơ thẩm: Do yêu cầu của ông Phan Văn M và bà Mai Thị Linh T được chấp nhận nên bà Liêu Thị Hồng H1 và ông Hoàng Minh Đ phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định tại Nghị quyết 326/2016/UBTV-QH14 ngày 30/12/2016. Nguyên đơn không phải chịu án phí, hoàn trả tiền tạm ứng án phí đã nộp cho nguyên đơn.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 147; Điều 186; Điều 271; khoản 1 Điều 273; khoản 1 Điều 280 Bộ luật Tố tụng dân sự 2015;

- Căn cứ Điều 385; Điều 463; khoản 1 Điều 466 và Điều 468 Bộ luật Dân sự 2015;

- Căn cứ Luật Thi hành án dân sự năm 2008 (đã được sửa đổi, bổ sung năm 2014);

- Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

- Căn cứ Nghị quyết 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao về hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm.

Xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Phan Văn M và bà Mai Thị Linh T:

Buộc bà Liêu Thị Hồng H1 và ông Hoàng Minh Đ phải trả cho ông Phan Văn M và bà Mai Thị Linh T số tiền là 1.458.082.190 (Một tỷ, bốn trăm năm mươi tám triệu, không trăm tám mươi hai nghìn, một trăm chín mươi) đồng bao gồm: Tiền nợ gốc là 1.200.000.000 (Một tỷ, hai trăm triệu) đồng; Tiền lãi trong hạn tính từ ngày 19/7/2024 đến hết ngày 19/01/2025 là: 120.000.000 (Một trăm hai mươi triệu) đồng; Tiền lãi quá hạn từ ngày 20/01/2025 tạm tính đến ngày 09/6/2025 là 138.082.190 (Một trăm ba mươi tám triệu, không trăm tám mươi hai nghìn, một trăm chín mươi) đồng ngay khi bản án có hiệu lực pháp luật.

Các bên thi hành tại cơ quan Thi hành án dân sự có thẩm quyền.

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất các bên thỏa thuận nhưng phải phù hợp với quy định của pháp luật; nếu không có thỏa thuận về mức lãi suất thì quyết định theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm:

Bà Liêu Thị Hồng H1 và ông Hoàng Minh Đ phải chịu án phí sơ thẩm là 55.742.466 (Năm mươi lăm triệu, bảy trăm bốn mươi hai nghìn, bốn trăm sáu mươi sáu) đồng.

Trả lại cho ông Phan Văn M và bà Mai Thị Linh T số tiền tạm ứng án phí là 26.155.068 (Hai mươi sáu triệu, một trăm năm mươi lăm nghìn, không trăm sáu mươi tám) đồng theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0073751 ngày 21/3/2025 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh.

3. Về quyền kháng cáo, kháng nghị:

Các đương sự có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thủ Đức có quyền có quyền kháng nghị kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Viện kiểm sát nhân dân

Thành phố Hồ Chí Minh có quyền kháng nghị bản án này trong thời hạn 01 tháng kể từ ngày tuyên án.

4. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, quyền tự nguyện thi hành án, hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:

- TAND TP. Hồ Chí Minh;
- VKSND TP. Hồ Chí Minh;
- VKSND T.P Thủ Đức;
- Chi cục THADS TP. Thủ Đức;
- Các đương sự;
- Lưu VT, hồ sơ./.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Hà Thị Hoài